TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HS-ST
Ngày 28-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xuôi.
Ông Thạch Thanh Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2021/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Minh Q, sinh năm 2000; Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966; vợ Lê Kiều N, sinh năm 2002; Con Nguyễn Hải Đ, sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo Nguyễn Minh Q bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 11/02/2021 đến ngày 17/02/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Trà Vinh (Bị cáo có mặt tại phiên toà).

2/ Lê Trung T. Sinh ngày 29 tháng 9 năm 1999; Giới tính: Nam. Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 6/12; Họ và tên cha: Lê Thành T, sinh năm 1979; Họ và tên mẹ: Trần Thị H, sinh năm: 1979. Anh chị em ruột: có 01 người sinh năm 1997; Vợ: Trần Thị Kim N, sinh năm 2001; Tiền án: không. Tiền sự: không.

Bị cáo Lê Trung T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 09/3/2021 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên toà).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp 1, xã Đ, Thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ bạn bè từ trước nên vào khoảng 21 giờ ngày 09 tháng 02 năm 2021, Bị cáo Nguyễn Minh Q điều khiển xe mô tô biển số 61C1-202.96 (bị cáo Q mượn xe của cha ruột là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964, nơi cư trú: ấp 1, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long) từ nhà của Q thuộc ấp 1, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đến ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh để chở bị cáo Lê Trung T (do T đang ở nhà vợ tại ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh) đi đến thành phố Hồ Chí Minh phụ giúp bị cáo T dọn nhà trọ. Trên đường đi, bị cáo T rủ bị cáo Q hùn tiền để mua ma túy đá cùng sử dụng nên bị cáo Q đồng ý. Sau đó bị cáo Q đưa cho bị cáo T 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng *(Năm trăm nghìn đồng)* để hùn mua ma túy. Khi đến địa phận thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo T kêu bị cáo Q dừng xe lại chờ để bị cáo T trực tiếp mua 02 (hai) tép ma túy đá với giá 400.000đồng và dụng cụ dùng để sử dụng ma túy giá 30.000đồng *(Ba mươi nghìn đồng)* từ một người đàn ông không rõ địa chỉ tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi mua, bị cáo T đưa hai tép ma túy cho bị cáo Q cất vào túi đeo của bị cáo Q rồi cả hai tiếp tục đi đến nhà trọ của bị cáo T. Tại nhà trọ, bị cáo T và bị cáo Q cùng sử dụng hết 01 (một) tép ma túy đá, tép ma túy còn lại bị cáo Q vẫn cất giữ trong túi đeo màu đen bỏ vào bên trong cốp xe của bị cáo Q.

Đến khoảng 15 giờ ngày 10/02/2021, điều khiển xe mô tô chở bị cáo T trở về nhà vợ của bị cáo T tại ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trên đường về đến huyện G, tỉnh B, bị cáo Q và bị cáo T ghé lại mua gà. Do bị cáo Q không có đủ tiền để trả tiền gà nên bị cáo T trả lại cho bị cáo Q số tiền là 100.000đồng *(Một trăm nghìn đồng)*. Như vậy, trong tổng số tiền mua hai tép ma túy và dụng cụ sử dụng là 430.000đồng *(Bốn trăm ba mươi nghìn đồng)* thì bị cáo Q đã hùn 400.000đồng, còn bị cáo T hùn 30.000đồng. Tuy nhiên, bị cáo Q không biết bị cáo T đã hùn bao nhiêu tiền và mua tổng cộng hết bao nhiêu tiền vì bị cáo T không nói cho bị cáo Q biết. Sau khi chở bị cáo T về đến nhà vợ tại ấp 3, xã M, huyện C thì khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Q điều khiển xe mô tô biển số 61C1-202.96 ra về. Khi đến đoạn đường thuộc ấp số 5, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì bị cáo Q bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện tép ma túy và tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

- Bản kết luận giám định số: 94/KLGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận như sau: Tinh thể màu

trắng chứa trong 01 (một) túi nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy; Loại: Methamphetamine; khối lượng: 0,1144gam.

Tại Cáo trạng số 36/CT-VKS-HS ngày 27/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Nguyễn Minh Q và bị cáo Lê Trung T về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Minh Q và bị cáo Lê Trung T khai nhận hành vi đã tàng trữ mua ma túy loại Methamphetamine để sử dụng. Bị cáo thống nhất kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Q và bị cáo Lê Trung T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù và xử phạt mỗi bị cáo từ 5.000.000đồng *(Năm triệu đồng)* đến 10.000.000đồng *(Mười triệu đồng)* về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Về vật chứng: Vị đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy:

- 01 (một) túi nylon được hàn kín kích thước 1,5cm x 02cm, bên trong có chất nghi là ma túy; 01 (một) miếng giấy có in chữ ở hai mặt; 01 (một) túi đeo màu đen, có sọc trắng hiệu adidas và Vị đề nghị trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 (một) xe mô tô biển số 61C1-202.96, nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen.

Bị cáo Nguyễn Minh Q và bị cáo Lê Trung T thống nhất theo bản luận tội của Kiểm sát viên, không phát biểu ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Minh Q nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lê Trung T nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thấy rằng các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Minh Q và bị cáo Lê Trung T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào ngày 09 tháng 02 năm 2021, bị cáo Nguyễn Minh Q điều khiển xe mô tô biển số 61C1-202.96 chở bị cáo Lê Trung T từ ấp 3, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đi đến thành phố Hồ Chí Minh để mua ma túy đá cùng sử dụng. Khi

đến địa phận thành phố Hồ Chí Minh thì bị cáo T kêu bị cáo Q dừng xe lại chờ để bị cáo T trực tiếp mua 02 (hai) tép ma túy đá với giá 400.000đồng và dụng cụ dùng để sử dụng ma túy giá 30.000đồng (*Ba mươi nghìn đồng*) từ một người đàn ông không rõ địa chỉ tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi mua, bị cáo T đưa hai tép ma túy cho bị cáo Q cất vào túi đeo của bị cáo Q rồi cả hai tiếp tục đi đến nhà trọ của T. Tại nhà trọ, bị cáo T và bị cáo Q cùng sử dụng hết 01 (một) tép ma túy đá, tép ma túy còn lại bị cáo Q vẫn cất giữ trong túi đeo màu đen bỏ vào bên trong cốp xe của bị cáo Q, ma túy; Loại: Methamphetamine; khối lượng: 0,1144 gam.

[3] Hành vi của bị cáo Q và bị cáo T tàng trữ ma túy có khối lượng 00,1144gam đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến những quy định của Nhà nước về việc quản lý mua bán chất ma túy nên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Do đó bản Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Q và bị cáo T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tính chất mức độ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Q và bị cáo T là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội. Nó không chỉ là hành vi xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, tạo điều kiện làm gia tăng tệ nạn nghiện hút ma túy trong thanh thiếu niên và còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức và biết rõ tác hại của việc cất giấu chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị rất nghiêm khắc, nhưng chỉ vì muốn thỏa mãn cơn nghiện mà bị cáo đã bất chấp tất cả, xem thường pháp luật và lợi ích của cộng đồng.

Đối với bị cáo T là người rủ bị cáo Q hùn tiền mua ma tuý sử dụng và chính bị cáo T cũng là người mua ma tuý với mục đích cả hai cùng sử dụng. Bị cáo Q chỉ là người giúp sức và hùn tiền với bị cáo T để mua ma tuý cất để sử dụng.

Hành vi mua ma túy cất giấu với mục đích để sử dụng, khối lượng ma túy đủ định lượng quy định của tội tàng trữ trái phép chất ma túy nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù nhằm mục đích cải tạo, giáo dục, tạo điều kiện cho các bị cáo cai nghiện một cách triệt để, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T, Q đã thành khẩn khai báo, các bị cáo phạm tội lần đầu, ăn năn hối cãi về hành vi phạm tội; chưa có tiền án, tiền sự được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) túi nylon được hàn kín kích thước 1,5cm x 02cm, bên trong có chất nghi là ma túy; 01 (một) miếng giấy có in chữ ở hai mặt; 01 (một) túi đeo

màu đen, có sọc trắng hiệu adidas đây là tang vật liên quan đến vụ án nghỉ nên tịch thu tiêu huỷ.

- 01 (một) xe mô tô biển số 61C1-202.96, nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen tuyên trả lại cho ông Nguyễn Văn T.

[7] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Q và bị cáo Lê Trung T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 327, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 17/02/2021 và phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Minh Q số tiền là 5.000.000đồng *(Năm triệu đồng).*

Xử phạt bị cáo Lê Trung T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 09/3/2021 và phạt bổ sung bị cáo Lê Trung T số tiền là 5.000.000đồng *(Năm triệu đồng)*

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) túi nylon được hàn kín kích thước 1,5cm x 02cm, bên trong có chất nghi là ma túy; Loại: Methamphetamine; khối lượng: 0,1144 gam; 01 (một) miếng giấy có in chữ ở hai mặt; 01 (một) túi đeo màu đen, có sọc trắng hiệu adidas đây là tang vật liên quan đến vụ án.

Riêng 01 (một) xe mô tô biển số 61C1-202.96, nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen trả lại cho ông Nguyễn Văn T.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thi, miễn, giảm, thu thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Minh Q phải chịu 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* và buộc bị cáo Lê Trung T phải chịu 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện C;
- Công an huyện C;
- Các Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên